

Hà Nội - Đền Hùng

(Lịch trình 1 ngày)

Khu di tích đền Hùng là một quần thể kiến trúc thâm nghiêm trên núi Nghĩa Lĩnh. Từ Hà Nội theo quốc lộ số 2 đến thành phố Việt Trì (84km) đi tiếp khoảng 10km đến ngã ba Hàng rơm và bên trái 3 km là đền khu di tích. Khu di tích lịch sử đền Hùng gồm có đền Hạ và chùa, đền Giếng, đền Trung, đền Thờ, lăng vua Hùng.

06h00: Xe và Hướng dẫn viên đón quý khách tại điểm tập trung, khởi hành đi Đền Hùng

09h00: Tại Đền Hùng, Quý khách tham quan khu di tích lịch sử đền Hùng - nơi mà cách đây hơn 4.000 năm các Vua Hùng đã lập nên nhà nước Văn Lang – quốc gia đầu tiên của nước ta trên đất Việt Phú. Và cũng tại đây Quý khách nhận được sự đón tiếp nồng hậu của các Vua Hùng với chuyến viếng thăm công chúa Tiên Dung, sự tích bánh Trùng - bánh Dày...

Vượt qua hơn 200 bậc thang Quý khách sẽ đến Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thờ, Lăng Vua Hùng, Đền Giếng...Đền thờ đặt cao trên 100m Quý khách có thể chiêm ngưỡng cảnh đẹp vùng đất rừng của trung tâm Bắc Bộ với ngã ba H, nơi sông Lô chảy vào Sông Hồng, các dãy núi của hai núi Tam Đảo và Ba Vì xen lẫn với những cánh đồng lúa tươi tốt, những làng quê trù phú của miền trung du Bắc Bộ.

16h00: Quý khách lên xe quay trở về Hà Nội. Kết thúc chuyến thăm quan.

Thời gian: 1 ngày (Khởi hành các ngày trong tuần)

Giá : 210.000vnd (Áp dụng cho khách đoàn 10 khách trở lên)

Đặc biệt bao gồm :

- Xe ô tô máy lạnh phục vụ theo chương trình:
- Ăn trưa bữa trưa miễn phí 30.000VND/khách

- Bao hi m du lịch , vé th ng c nh, h ng d n viên

Không bao g m :

- Thu VAT và các chi tiêu cá nhân khác ngoài ch ng trình
- Hoá đ n Hoá tr gia tăng VAT

Danh sách 100 ng i con trai t b c trăm tr ng
Lân Lang làm vua

49 ng i con theo cha L c Long Quân là:

Xích Lang, Quynh Lang, M t Lang, Thái Lang, Vĩ Lang, Huân Lang, Yên Lang, Tiên Lang, Diên Lang, Tích Lang, T p Lang, Ng Lang, C p Lang, Ti u Lang, H Lang, Th c Lang, Khuy n Lang, Chiêm Lang, Vân Lang, Kh ng Lang, La Lang, Tu n Lang, Tân Lang, Quy n Lang, Đ ng Lang, Ki u Lang, D ũng Lang, Aác Lang, T o Lang, Li t Lang, u Lang, Nhi u Lang, Lý Lang, Châm Lang, T ng Lang, Chóc Lang, Sáp Lang, C c Lang, Nh t Lang, Sái Lang, Chiêu Lang, Ho t Lang, Đ n Lang, Thành Lang, Thu n Lang, Tâm Lang, Thái Lang, Tri u Lang, Ích Lang.

50 ng i con trai theo m Âu C là:

H ng Lang, Ki m Lang, Th n Lang, Vãn Lang, Vũ Lang, Linh Lang, H c Lang, Th nh Lang, Quân Lang, Kiêm Lang, T Lang, Mã Lang, Chi n Lang, Khang Lang, Chinh Lang, Đào Lang, Nguyên Lang, Phiên Lang, Xuy n Lang, Y n Lang, Thi p Lang, B o Lang, Ch ng Lang, Tài Lang, Tri u Lang, C Lang, L u Lang, Lô Lang, Qu Lang, Diêm Lang, Huy n Lang, Nh Lang, Tào Lang, Ngy t Lang, Sâm Lang, Lâm Lang, Tri u Lang, Quán Lang, Cánh Lang, Ô c Lang, Lôi Lang, Châu Lang, Vi t Lang, V Lang, Mãn Lang, Long Lang, Trình Lang, Tòng Lang, Tu n Lang, Thanh Lang.

7. Di tích kh o c và s cũ.

Di tích khảo cổ :

Trên địa bàn Vĩnh Phú (tức bộ Văn Lang cũ) phát hiện được trên 70 di chỉ khảo cổ thời Hùng Vương (tính tới 1992). Nếu lấy đền Hùng làm trung tâm quay mặt vòng bán kính 20 km thì có gần 50 di tích nằm trong vòng đó, phần lớn tập trung ở vùng Lâm Thao cũ và Việt Trì.

Gần 50 di tích đó là: Phùng Nguyên, Gò Mun, Đồi Dung, Gò Ông Ké, Gò Miếu, Ngõ Đẽ, Núi Gan, Bùn Nguyên, Đền Đẽng, Chùa Cao, Thành Dền, Đền Đậu Con, Gò Chiền, Mã Ngưu, Liên Minh, Xóm Ké, Gò Con Lợn, Gò Mống, Gò Tro trên, Gò Tro dưới, Đền Sủ, Gò Tôm, Gò Thép, Gò Gai, Gò Con Cá, Gò Thép, Gò Ghép, Đồi Hoàng Long, Mộ Nưa, Lê Lợi, Đồi Giầm, Làng Cọ, Mã Lao, Núi Voi, Gò Vàng, Gò Dền, Đôn Nhân, Bình Sơn, Đền Quế, Gò Re, Gò Diền, Gò Bún, Gò Sanh, Gò Ông Tiền, Gò Ma Lỵ, Thép Sơn.

Hơn 20 di chỉ phân bố tiếp tục đến tận miền ngoài bán kính nói trên là: Gò Chùa, Gò Trại, Gò Vôi, Ván Thép, Nhà Quế, (huyền Sông Thao); Lũng Hòa, Nghĩa Lộ, Đền Đậu, Đình Xa, Ma Cọ (Vĩnh Lạc); Cọ Trại, Tháp Miếu, Núi Ca, (Mê Linh); Hố ng Đà, Dục Dục, Gò Bông, La Phù, Văn Minh, Đoan Thép, Đào Xá, Gò Cháy, Gò Chè, núi Ngọn (Tam Thanh); Gò Nghành, Suối Trại (Tam Đảo).

Các di tích trên chia làm 4 loại:

Loại Phùng Nguyên trên dưới 400 năm cách đây

Loại Đền Đậu trên dưới 3.500 năm

Loại Gò Mun trên dưới 3000 năm

Loại Đông Sơn muộn 2.800 năm đến đầu công nguyên.

Di chỉ nói trên là những địa điểm nghi lễ Việt cổ trú còn đồ lễ trong lòng đất các hiện vật gốm: đồ đá nhàu, đồ đồng, đồng, vòng tay, hoa tai, hạt chuỗi, đồ sắt, mũi tên...

Đặc biệt như nồi niêu, bát đĩa, cốc chén, vại, đồ đựng thức ăn như lúa gạo, hạt qua, xương cá, vỏ trái cây, đồ đựng thú rừng và gia súc v.v...

Đặc biệt là theo truyền thuyết cung đình nhà vua ở thôn Việt Trì thì khảo cổ học đã tìm thấy di

chợ Làng Cọ (khu Mì chính) nhúng hiên và nói lên sự có mặt của vua quan như mũi tên đòng, rìu chày trên trang trí đồ gốm, giáo đòng, khóa thớt lồng bằng đòng từ 8 con rùa, thớt, trống, trống có các bằng đòng thau.

Số cũ nói về Vua Hùng:

Sách Trung Quốc: "Thời xưa, Giao Chỉ chưa có quận huyện (tức là chưa có sự đô hộ của phương Bắc - VKB) thì đất đai có ruộng lúa, ruộng cấy theo nếp cày lên xuống mà làm. Dân không ruộng cấy mà ăn nên gọi là dân Lạc. Đất Lạc Việt, Lạc hầu để làm chức các quận huyện. Các quận huyện phân nhiều là ruộng lúa cấy, ruộng cấy thì có ruộng cấy gọi là xanh" (Giao Châu ngoại vực ký - quyển 3-4).

(Đất Giao Chỉ phì nhiêu, nhiều dân cư đến đó, họ là ruộng cấy để đầu tiên khai khẩn, đất đen và bạc màu như mỡ. Bởi vì ruộng cấy cánh đồng đó gọi là Hùng đất và dân gọi là Hùng dân, có mặt ông chúa gọi là Hùng Việt. Hùng Việt có các chức viên giúp việc gọi là Hùng hầu. Lãnh thổ đất Hùng thì chia cho các Hùng từ (Nam Việt chí quyển 5).

Sách nước ta: "Đền thờ Trang Việt nhà Chu (696-682) ở Bắc Gia Ninh có ngôi đền dùng để thu thuế áp dụng các họ Lạc, từ xưa là Hùng Việt, đóng đô ở thành Văn Lang, hiên nước là Văn Lang, truyền đời 18 đời vua gọi là Hùng Việt" (Đời Việt sử lược - quyển 14).

"Con trai vua gọi là quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nữ, Quan Hầu tử gọi là Bệ chính, đày trai và đày gái gọi là ruộng cấy là xã.

Thời bấy giờ dân ở chân núi làm nghề đánh cá, thuyền bè giao long làm hại, họ tâu tì vua, vua nói rằng: Loài cá núi và ruộng cấy nước, ruộng cấy kia là ruộng cấy mà ghét dẫm ruộng cấy nên làm hại. Vua liền sai lấy mìn xâm vào mình thành hình thây quái. Từ đấy không có tai nạn giao long làm hại nữa. Họ quí sự để dùng còn chưa đủ, dân còn phải lấy cây làm áo, lấy chim muông tôm cá làm mìn, lấy cây ruộng cấy làm muối, đao canh hoa chày, đất nhiều gạo nếp lấy ruộng cấy tre mà thây, gác ruộng cấy làm nhà để tránh họ lang làm hại" (Lĩnh Nam trích quái, quyển 15).

8. Nước Văn Lang:

Thị trấn Hùng Vương tồn tại khoảng 2000 năm trước công nguyên (tính từ nay gọi là 4000 năm văn hiến). Chia làm hai thị trấn.

* Thị trấn Bắc Hưng khoảng từ thế kỷ 10 trước công nguyên trở về trước, ứng với văn hóa Đông Sơn - Phùng Nguyên.

* Thị trấn Đông Hưng thuộc Văn Lang khoảng từ thế kỷ 10 trước công nguyên đến giữa thế kỷ 3 trước công nguyên ứng với văn hóa Gò Mun - Đông Sơn.

Nhóm Văn Lang do 15 bộ tộc hợp thành là: Văn Lang, Giao Chỉ, Việt Thường, Vũ Ninh, Quân Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lạc Hải, Thanh Thủy, Cửu Định, Chu Diên, Tân Xuân, Bình Văn, Khê Túc, Bắc Đái (theo VSL).

Cộng đồng này từng được gọi là Bắc Bộ và Trung bộ ngày nay dân số nhóm Văn Lang khoảng 1 triệu người.

Mô hình xã hội

- Đông Hưng đầu tiên nhóm là vua Hùng thế hệ cha truyền con nối.

- Giúp việc bên cạnh vua có các quan Lạc hầu (gọi là Hãn)

- Lạc tướng là chức quan cai quản một bộ (tức bộ lạc cũ).

- Dưới Lạc tướng là chức Bộ chính đứng đầu các làng, bộ.

- Dân gốc là Lạc dân - Lạc dân làm kinh tế gia đình nộp thuế cho Nhà nước. Nghề chính là cấy lúa nước kết hợp với chăn nuôi trâu bò, lợn gà, đánh cá, săn bắn. Ngoài ra còn có các nghề thủ công như làm gốm, chế tác đồ đá, đan lát tre nứa, đan lát, dệt vải, nhuộm đúc đồ ng, rèn sắt, đóng thuyền, sơn xuất đồ gỗ, đồ mộc nghề v.v... Đã xuất hiện một bộ phận làm nghề buôn bán đồ đạc.

- Có một bộ phận nô t (gốc là xeo xeng thuộc bộ tộc) phục vụ gia đình quý tộc. Họ nước ta không biết lập chế độ chiếm hữu nô lệ, đời đa số dân trong nước là dân tự do tức Lạc dân. Quan hệ giữa Vua Hùng và Lạc dân rất gần gũi "cùng cày ruộng, cùng tắm sông, cùng săn bắn, cùng xem hội" sự cũ gốc là "đời hòa nhiên" (Lĩnh Nam chích quái tập 15).

Đời sống vật chất

- Ăn: Lạc dân thuộc chế độ là gạo nếp nấu cơm, bữa ăn có thịt, cá, cua, lợn, gà, vịt, rau, dưa, cà, kiệu. Gia vật dùng hành, tỏi, gừng, riềng, nghệ, ớt và nhiều loại rau thơm. Đã biết làm nhiều loại bánh kẹo, quýt nước là bánh dày, bánh chưng. Rượu dùng cúng lễ, cưới xin, tiệc mừng, đãi khách.

- Nhà: Kiến trúc nhà sàn là chế độ. Cung điện là nơi của các vua cũng làm theo lối gác sàn.

- Mặc: Vẫn còn hình. Ngày thường nam mặc váy ngắn và yếm che ngực, nam đóng khố cởi trần. Ngày hội nam mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quần dài, đeo chít khăn cài lông chim, tay đeo vòng, cổ đeo hạt chuỗi, tai đeo hoa.

Đời sống tinh thần:

Tín ngưỡng tự nhiên, núi sông, thần lúa, thần tiên, linh hồn người qua đời và các vật thiêng khác.

Cộng dân thích trang trí nhà cửa đồ dùng, thích đồ trang sức, rất yêu văn nghệ ca hát nhảy múa.

Nhạc cổ có sáo, nhị, kèn, trống, chiêng, cồng, mõ, đàn bầu. Ca dao tục ngữ và truyền khẩu đã phát triển.

Vũ quốc phòng

Lúc đầu quân sự có quân thủ công trống và quân hộ công dũng (dân binh) vũ khí có gậy, tay thủ công, giáo, lao, nỏ, rìu chiến, dao găm. Hành quân đi bộ hoặc đi thuyền, các vũ công cưỡi ngựa hoặc voi. Trông họ luyện quân sĩ để tể Cầm Đãi.

Vũ ngoại giao:

Phong tục ngoại giao của các vua Hùng là mĩ mĩ o thân thiện và báo vớ chớ quy. Đời Chu Thành Vũ công, vua sai đem bầu con chim trĩ trống, vua Chu bầu lại cớ xe chớ Nam - Song đã cớ tuy t gay gớt và chu n bớ đời phó khi Việt Vũ công Câu Tiễn mu n ép làm chớ họ.

Kinh đô Văn Lang:

Việt Hùng Vũ công đóng đô ở thành Văn Lang (nay là Việt Trì, Phong Châu). Tập truyền rợ.

- Cung điện nhà vua đóng ở Gò Làng Cớ thôn Việt Trì (khu Mĩ chính).

- Tháp Lợ là nơi các Lợ c hợ u ợ.

- Cầm Đãi (Thợ Vân) để t trông họ luyện quân sĩ.

- Nông Trang là nơi đặt kho thóc của nhà vua.

- Chợ Lúa là chợ mua bán lúa gạo.

- Đền Lú Minh Nông là nơi đền vua dạy dân cấy lúa nước.

- Gò Tiên Cát là nơi đền ông lưu kén chôn cất cho các công chúa.

- Xóm đền Hoàng Trăm hoàng tử Lang Liêu trồng lúa nếp thơm, làm bánh dày, bánh chưng.

- Lưu Thuyền ông, Lưu Hồ là khu lưu các vị con vua .

- Thăm Thành là tiếng trống thanh nhạc của làng đó có tiếng trống gạo mỗi ngày đêm, dâng vua.

9. Bài hát hoành câu nói về đền Hùng.

Lăng:

Hùng Vương Lăng - Dành Lăng Vua Hùng

Biểu Chính - Dành: Lăng Chính

1. Duệ t duệ t hoàng hoàng phệ i thiên kè trệ ch đệ nhi t.
Thông thông uệ t uệ t đệ c đệ a chi linh sệ n đệ c hùng

Dệ ch: Đệ p đệ p tệ i tệ i sánh n lệ n cệ a trệ i, vua còn là t.
Xanh xanh, tệ t tệ t đệ c khí thiêng cệ a đệ t, núi cũng rệ t hùng

2. Duy Tệ quệ c tinh thệ n, nhệ t thệ p bát truyệ n căn bệ n đệ a.
Khệ o đệ đệ danh thệ ng, kệ thiên cệ tệ i đệ vệ ng lặng.

Dệ ch: Vì tinh thệ n Tệ quệ c, qua mệ i tám đệ i truyệ n đệ t này là căn bệ n.
Khệ o danh thệ ng nệ c nhệ, sau mệ y nghìn năm lệ nệ i đây còn lặng vua.

3. Lặng tệ m tệ năm nào, núi Tệ n sông Đà non nệ c vệ n quay vệ Đệ t Tệ.

Vặn minh đệ ng buệ i mệ i, con Hệ ng cháu Lệ c giệ ng nòi còn biệ t nhệ Mệ ông.

Đệ n Thệ ng

Triệ u cệ vệ ng tích - Dệ ch: Vệ t tích vua trên nệ n đệ u tiên

Quyệ t sệ sinh dân - Dệ ch: Dân buệ i ban đệ u

Tệ tôn bệ o chi - Dệ ch: Con cháu phệ i giệ gịn lệ y

Nam Việ t triệ u tệ - Dệ ch: Tệ muôn đệ i cệ a nệ c Việ t Nam.

1. Thờn thánh khải viêm bang chí kim, đả bặt cỡi tểch dân bặt cỡi tể

Huân lao phụng thánh miếu thờ vớ, mớ c chi hũu bần thỹ hũu nguyên.

Đích: Thờn thánh mớ cở đở, đở n nay đở t vớ n thờ dân vớ n thờ.

Công huân thờ đở n miếu, đó là cây có gốc nớ c có nguôn

2. Hống lớ c cở cở tởn đở p chớ ng tởng loan quôn thỹ hớ p.

Đở Vớ ng linh khí tởi, hào phong nớ vũ nhớ tởn cao.

Đích: Cung cũ Hống Lớ c còn đây, trùng đở p núi đở i nhiếu dòng sông hớ p lớ i

Khí thiêng Đở vớ ng vớ n đó, thét gào mớ a gió mớ t ngôn núi đở ng cao.

3. Thờ đả thờ sớ n Nam quớ c kớ
Ngô vớ ng ngô tô Bớ c thờn tôn.

Đích: Đở t này núi này bớ cỡi nớ c Nam
Vua ta, tở ta, phớ ng Bớ c nớ vì

4. Thông thông uớ t uớ t, trung hũu lắng yên tở m yên, long phớ c tiên mớ u chi linh tính, hũu ngã
hũu nhân vớng khuyớ t.

Cờ cờ kim kim, thỏ sấm đã thảy, đã thánh tể thỏ nôm chi sáng tể o, y hi ti n vng b t vong.

Dịch: Trong cây cỏ tể xanh v n có mi u có lăng, h n thiêng cha m r ng tiên phù h đ i sau không thi t sót.

Su t th i gian dài đ c th y kìa sông kìa núi, công đ c t tiên th n thánh, nh n vua n c ch ng h quên.

5. Con cháu còn, tôn t v n còn, nôi gi ng nhà ta sinh s n mãi.

- N ng m a th , mi u lăng v n th , non sông đ t n c v ng b n lâu.

6. Con cháu ba k thăm m T .

Non sông muôn thu r ng nôi Tiên

Đền Trung

Tri u T Nam bang - Dịch: T muôn đ i c a n c Nam

Hùng Vng t mi u - Dịch: Mi u th t Hùng Vng

Hùng Vng linh tích - Dịch: V t tích linh thiêng c a Vua Hùng

Vạn lai dĩ sự tu vi sự
Tâm nhàn nhàn đức đức mênh mông

Dịch: Hỡi lòng vì cớ xa nên chép sự
Ngắm xem phong cảnh muôn đức thắm.

(câu đối cửa chùa Trùng Tú)

Đền Giếng

Sơn thủy kim ngọc - Dịch: Núi sông quý báu như vàng ngọc.

Âm hà tể nguyên - Dịch: Uống nước nhớ nguồn

1. Hoàng gia dĩn xuất long tển phái
Đệ quốc đoan môn tể muội hoa

Dịch: Dòng dõi Rồng tiên nữ quý phái
Nhánh hoa em chị cửa nhà vua

2. Hùng tríu lăng tểm hoàng đô tểi
Nam quốc thốn tiên đế nể tôn

Dịch: Tríu Hùng lăng tểm kinh đô tểi đây
Nam quốc Việt có các vị tiên đế tôn kính.

3. Hoàng gia tể muôi, nể sể để c khai thiên giai
Triều Ân, Trừng Vừng, thẹn tiên hể p truyề n.

- Để tể lâu dài Hùng phong cao để i chể, để Tể n Viên Để Trể ch hể ể ng hể a vểnh niên.

Để ch: Chể em chể Hoàng gia mể ra nể sể để u tiên cùng bà Triều u bà Trể ng thể n thiên mể t
truyề n

- Lâu dài nể i để tể nhìn núi Hùng cao ngể t vể i Tể n Viên Để Trể ch, hể ể ng lể a nghìn thu

4. Thể p bát truyề n vi quân vi vể ể ng, trùng xuể t tiên nga duy mể t tể o.
- Ngử thể p tể quy sể n quy hể i, biể t trung thể n nể thiể u anh phong.

Để ch: Mể ể i tám để i truyề n làm quân làm vể ể ng, hai vể tiên nga cuể i dòng hể .
- Năm mể ể i con lên núi xuể ng biể n, mể t nằmg thể n nể nể i ngôi cha.

Cể ng để n

Cao sể n cể nh hành - Để ch: Núi cao để ể ng lể n

Thác thể y khai cể tể cể sể n hà quy bể n tể ch
Đặng cao vể ng viể n quể n phong la liể t tể nhi tôn

Để ch: Mể lể i để p nể n bể n mể t non sông quy mể t mể i
Lên cao nhìn rể ng nghìn trùng để i núi tể a đàn con

10. Lễ hội đền Hùng thời phong kiến

Lễ hội là một hình thức tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa dân gian của một cộng đồng người có cùng sở nguyện chung về một vấn đề.

Khác hẳn với lễ hội của làng xã chủ yếu tiến hành với dân cư trong làng xã, lễ hội Đền Hùng được tiến hành với sự tham gia của nhân dân cả nước. Nhưng với chủ thể việc cúng giỗ vua Hùng do 3 cấp tiến hành: của Nhà nước phong kiến, của các làng xã thôn và của từng người. Nhà nước phong kiến tiến hành lễ tế (quốc tế) vào ngày 12-3 âm lịch là ngày giỗ Vua Hùng thứ nhất (Kinh Dương Vương). Lễ này cứ 5 năm một lần vào năm chẵn (ví dụ 1900 - 1905) gọi là hội chính. Năm ấy, ngay từ tháng giêng, người ta đã treo lá cờ thêu trên đỉnh núi Núi báo cho đồng bào xa gần biết. Phàm vật tế lễ do dân Trung Nghĩa (Hy Cương - Chu Hóa) phải lo, gọi là dân Trùng Khánh. Vì là dân số đông nên triều đình giao cho nhiệm vụ trông nom đền miếu và phước vật ngày giỗ Tổ. Bởi vậy, Nhà nước miễn cho khoản sưu thuế phụ phen. Ngoài ra còn được cấp thêm chi phí loy tế thuế miễn thuế của hội Sơn Hông Tuyên. Sau khi đã tiến hành quốc tế thì đến lượt các làng xã xung quanh Đền Hùng tế lễ. Đó là những nơi thờ vua Hùng và vợ con của các vua. Chính các cuộc hành lễ của lãnh xã mới tổ chức nên sự xúc động tâm linh mạnh mẽ hàng năm. Có khoảng 40 làng rước kiệu từ đình làng mình về chầu, tất cả đều được đặt chân núi để chiêm giỗ. Kiệu nào nhất thì lên sau được rước lên đền Thượng. Kiệu rước lên kế này đã chiêm giỗ nhất kế trước. Được thay một cử đoàn kiệu đồng tế Tổ rước lên đền Thượng rồi tưng vờ. Đây là một hoạt động tín ngưỡng rất tôn nghiêm và vui vẻ. Một đám rước như vậy từ chầu hội tới sông công phu, gồm 3 cử kiệu đi liền nhau. Kiệu được sơn son thiếp vàng được chạm rất tinh vi. Thân kiệu là 2 con rồng dài gần 4m do 16 người khiêng. Cờ đi đầu bày hàng hoa, đèn nến, trầu cau, bình nước và nơm rượu. Cờ thứ hai rước nhang án bài vị thánh, có lồng che. Cờ thứ ba rước bánh dày, bánh chưng (học xôi), thêu lụa (học cồng). Đi trước nhất là viên quan đốc loa cồng loa quây báo cho nhân dân hai bên đồng và khách bộ hành biết có kiệu sắp tới để nghênh xem hoặc thu xếp đền đáp những gì trả nợ khi xưa. Thứ ba đến là phường gõ chèo đóng đồng. Tiếp theo là chiêng trống nên theo nhịp "Tùng boong" hoặc "tùng tùng boong boong". Dốc loa, phường gõ chèo và chiêng trống có thể xem là một ê kíp tiến trạm. Ê kíp chính của đám rước gồm người vác lá cờ thêu đến đầu 8 người vác cờ đuôi nheo, 8 người các bát bửu. Ông chủ tế mặc áo hoàng bào thêu kiệu nhà vua đi trước, các quan viên chức sắc chia nhau hàng giá trước và sau kiệu. Riêng kiệu nhang án có phường bát âm từ nhạc cụ thanh đi hai bên. Trư phường bát âm mặc thêu phước đi (quần trư áo the khăn xếp) còn các quan viên rước kiệu đi ăn mặc phụng theo lối quan văn võ trong triều.

Cũng nằm trong lễ thức tại đền Hùng còn có tiết mục hát Xoan. Hát Xoan xưa gọi là hát Xuân, vì kiêng tên bà Lê Thị Lan Xuân vợ vua Lý Thái Tông người Hoàng Nộn (Tam Thanh) nên gọi chung là hát Xoan. Bà là người yêu thích hát Xoan, đã có công giúp phường hát xoan hoạt

đồng. Điệu múa hát này vốn lưu hành ở ngã ba sông Hồng, Lô, Đà thuộc vùng Việt Bắc, đến triều Lý được các bà hoàng hậu công chúa ưa thích, được biết là bà Lan Xuân cho soạn điệu múa thành điệu hát lượn múa tưng bừng đình làng thờ Vua Hùng. Đêm hát Xoan kéo dài từ chiều tối đến sáng, trình diễn múa bài bản có 3 phần: năm đoan lượn lượn; 14 đoan quẩy cách và 8 đoan nam nữ đối đáp. Điệu Xoan có 6 năm 12 nhịp điệu hát bản nhạc nhiều giai điệu khác nhau, có lúc dùng điệu u buồn chân tay, có lúc múa nhẩy, kèm theo trống phách đưa đẩy.

Trên đây là miêu tả sơ bộ phần lớn, có thể xem là hình ảnh của hội. Hành động Hội là một tập thể thể hiện khía cạnh gây nên những phần cho người có một bao gồm lễ thức, trò chơi, văn nghệ, mua bán hàng hóa, ăn uống và các con người (con người góp vào đây bởi một tập thể thể hiện, áo quần di chuyển và sự đông đúc, ồn ào). Dân địa phương bán hoa quả, quà bánh, cơm phở, nước sôi gần như phục vụ chính, tính một chút công làm lãi. Tối đến, ít người về nhà dù gần, thức ăn là đồ ăn. Bởi vậy họ đi chơi cho một bữa rượu và một bữa ăn. Giữa buổi không khí của một ngày là hàng loạt trò chơi, văn nghệ biểu diễn ngày cũng như đêm, từ do thể thức không một tên. Ban khánh tiết chỉ cần treo lên ít giai điệu làm vui là các làng xã từ đêm đến gà chơi, bắt một bữa tiệc, kéo co, bắn nỏ thi, kéo lê a nỏ u cơm thi, ném còn, đua vật, các người. Các người dùng người thể thao làm quân, từ thể thao sĩ, thể thao, xe, pháo, một đội thể thao là các cô thanh nữ xinh đẹp. Lứa tuổi thanh niên tụ tập nhau trên các người đi trêu tài hát ví, hát trống quân, sa mạc, cò lả... các cụ già lại thích nghe nghệ sĩ dân gian hát xẩm, kéo nhị, hát. Nghe xong thể thao ít tên.

Ban đêm bao giờ cũng có hát chèo tuồng ở các bãi ruộng. Pháo nổ chào tuồng đón các rạp và họ xin đến. Cũng có các đoàn nghiệp dư của làng xã đến trêu tài ở Hội. Tất cả các đoàn đó được ban khánh tiết cho ăn cơm cá thịt và ít tiền lễ phí, biểu diễn cho toàn dân xem không bán vé. Nói chung đi chơi Hội là không khí của một thân thể thao tha thiết nghĩa tình.

Không có những trò chơi, những tiết mục văn nghệ lễ lễ mà trái với buổi không khí trang nghiêm, sâu lắng những thể thao.

Làng hội đón Hùng xưa kéo dài từ tháng 7, tháng 8 tới 16, 17 tháng ba âm lịch. Kể từ năm 1922 Đón Hùng được xây dựng quy mô như hiện có, nhà Nguyễn quy định ngày 10-3 triều đình tổ chức, sau đó làng xã tổ chức. Bởi vậy cách đây khoảng 30 năm, một nhà thơ dân gian người Phú Thọ làm bài ca đăng báo địa phương có câu:

Dù ai đi ngược xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba

Câu ca dao này diễn ra đúng tâm lý nên trở thành câu đố nh trong lòng mọi người ở Việt Nam từ Bắc chí Nam, từ ngàn xưa đến nay.

11. Niên biểu thời dựng nước

- 2070 triệu năm trước: Thành tạo núi Nghĩa Lĩnh

- 50 triệu năm trước: Kéo theo các sông Hồng, Lô, Đà với những dãy núi, đồng bằng, đầm lầy, xuối lợ biến đổi địa hình Vĩnh Phú, trong đó có dãy đồi 99 con coi chầu về đất Thọ.

- Khoảng 1,5 triệu năm cách đây các đồi đồi hai bên sông Thao có many chu c th c ng i nguyên thủy cư trú. Họ là chủ nhân nền văn hóa hậu kỳ đồ đá cũ Sơn Vi.

- Trên mặt nước năm đến 8000 năm cách đây biến đổi sau băng hà Vuy c-m, tràn vào ngập toàn đồng bằng và vùng thp ven đồi núi. Những nguyên thủy Sơn Vi tìm lánh lên vùng núi Hòa Bình - Bắc Sơn.

- Khoảng 6000 năm cách đây nước biến rút khỏi đồng bằng. Sau đó từ hàng ngàn năm mưa lũ thau chua rửa mặn và phù sa màu mỡ các con sông biến đổi làm hình thành thm th c v t. Qu n th đ ng v t nh chim thú, cá tôm nhuyễn th trở nên s m u t, tạo nên môi trường sống h t s c thu n l i cho con người.

- Khoảng 2000 năm trước công nguyên có 15 bộ lạc Việt cổ sinh sống trên đồng bằng và trung du Bắc bộ. Trong số này bộ lạc Văn Lang có ảnh hưởng nhất đến sự phát triển của vùng ngã ba sông Hồng, Lô, Đà trở nên nổi bật.

- Khoảng hơn 1000 năm trước công nguyên, thủ lĩnh Văn Lang đứng lên thành lập nước Văn Lang gồm 15 bộ lạc. Ông được suy tôn là Hùng Vương.

- Năm 258 trước công nguyên Vua Hùng thế hệ thứ 18 nhường ngôi cho cháu họ xa là Thục Phán.

- Năm 179 trước công nguyên An Dương Vương đánh bại cuộc xâm lược của Triệu Đà - Đà lập kế cho con trai sang cầu hôn con gái của vua. Triệu Đà can ngăn An Dương Vương không được bèn cáo quan về quê lập sơn động ở Ái Nghĩa để chờ đợi Triệu Đà. Bên kia sông Hồng các tướng họ Hà cũng lập động ở Bì Châu. Nghĩa quân chờ đợi Triệu Đà đến một thời gian.

- Năm 111 trước công nguyên nhà Hán tiêu diệt nhà Triệu cuối cùng lập nên Nam Việt.

Thị trấn của Triệu Đà là Lạc Gia bị kinh Phấn Ngung sang liên lạc với các thủ lĩnh ở Văn Lang lập căn cứ ở Long Động Sơn (Lập Thạch) chờ đợi nhà Hán đến một năm.

- Năm 40 Hai Bà Trưng cháu Vua Hùng dũng nghĩa binh đánh đuổi thái thú Tô Định nhà Hán. Hai bà lên ngôi làm nữ hoàng:

Một xin rửa sạch nước thù.

Hai xin nối lại nghiệp xưa nhà Hùng.